

Phụ lục

KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN NĂM 2026 XÃ MINH TÂN

(Kèm Thông báo số /TB-HĐXTH ngày /8/2026 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN giáo viên năm 2026 xã Minh Tân)

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
1	Mầm non Minh Tân																			
A	Thăng hạng từ hạng II lên Hạng I: 0																			
B	Thăng hạng từ hạng III lên Hạng II																			
I	Viên chức là quản lý: 0																			
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao: 19; Số hồ sơ dự xét: 19; Số hồ sơ Đạt 19; Trúng tuyển: 19																			
1	Hoàng Thị Lý	07/09/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N03T	7	3,96	01/10/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	B	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (SL: 01)	Trúng tuyển	
2	Triệu Thị Hoa	17/03/1996	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	7N	2	2,41	01/01/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (SL: 01)	Trúng tuyển	
3	Trần Kim Quy	04/12/1977	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	7	3,96	01/07/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP	2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 06)	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
4	Phạm Thị Thúy Nga	04/10/1974	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N1T	7	3,96	01/03/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	CDNN Giáo viên mầm non	Ứng dụng CNTT cơ bản		2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 06)	Trúng tuyển	
5	Đào Thị Dung	02/09/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N1T	7	3,96	01/12/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01)	Trúng tuyển	
6	Phạm Thị Thu Hoài	19/09/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	12N9T	5	3,34	01/04/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026:	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02)	Trúng tuyển	
7	Trần Thị Lý	11/08/1977	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N03T	7	3,96	01/09/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02)	Trúng tuyển	
8	Phạm Thị Huế	06/01/1993	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	9N 1T	3	2,72	01/12/2023	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01)	Trúng tuyển	
9	Phạm Thị Hoàn	22/09/1977	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N02T	7	3,96	01/07/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cao đẳng tiếng Anh	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01)	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
10	Nguyễn Thị Phương	17/08/1994	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	9N01T	3	2,72	01/06/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01)	Trúng tuyển	
11	Nguyễn Thị Luyện	01/02/1975	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N06T	7	3,96	01/01/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	UDCNT T Cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2036: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02)	Trúng tuyển	
12	Nguyễn Thị Thu Hà	22/09/1986	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	12N9T	5	3,34	01/04/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01)	Trúng tuyển	
13	Hoàng Thị Thu	24/05/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	9N01T	3	2,72	01/12/2023	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01)	Trúng tuyển	
14	Phạm Thị Tâm	09/12/1993	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	9N 1T	3	2,72	01/12/2023	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01)	Trúng tuyển	
15	Trần Thị Mây	23/07/1980	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	6	3,65	01/09/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	CDNN Giáo viên mầm non	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT (SL: 02)	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
16	Nguyễn Thị Thắm	01/01/1978	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	6	3,65	01/09/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	CDNN Giáo viên mầm non	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT (SL: 01)	Trúng tuyển	
17	Nguyễn Thị Hà	27/02/1977	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	7	3,96	01/09/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	CDNN Giáo viên mầm non	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT (SL: 01)	Trúng tuyển	
18	Vũ Thị Thu Hoa	28/11/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N3T	6	3,65	01/11/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện (SL: 01)	Trúng tuyển	
19	Phạm Thị Ngà	18/06/1978	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Tân	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	6	3,65	01/09/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	CDNN Giáo viên mầm non	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện (SL: 01)	Trúng tuyển	
2	Trường MN Minh Thuận																			
A	Thăng hạng từ hạng II lên Hạng I: 0																			
B	Thăng hạng từ hạng III lên Hạng II																			
I	Viên chức quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 01; Số hồ sơ dự xét 01; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																			

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
1	Phạm Thị Hiền	15/12/1983	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Minh Thuận	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	6N	7	3,96	01/07/2026	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 03)	Trúng tuyển	
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 15; Số hồ sơ dự xét 10; Số hồ sơ Đạt 10; Trúng tuyển: 10																			
1	Phạm Thị Thanh Thủy	14/09/1979	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Thuận	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	6	3,65	01/06/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (SL: 01)	Trúng tuyển	
2	Phạm Thị Thu	11/11/1993	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Thuận	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	4N6T	3	2,72	01/12/2023	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (SL: 01)	Trúng tuyển	
3	Bùi Thị Thu Hà	05/12/1995	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Thuận	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	4N6T	4	3,03	01/03/2026	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (SL: 01)	Trúng tuyển	
4	Trần Thị Thủy	23/06/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Thuận	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	4N6T	3	2,72	01/03/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (SL: 01)	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
5	Trần Thị Thêm	01/03/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Thuận	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	4N6T	3	2,72	01/03/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 03)	Trúng tuyển	
6	Nguyễn Thị Mai Hương	16/03/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Thuận	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	7	3,96	01/07/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02)	Trúng tuyển	
7	Trần Thị Quý	18/08/1996	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Thuận	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	6N11T	2	2,41	01/08/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01)	Trúng tuyển	
8	Trần Thị Xuyên	28/09/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Thuận	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	4N6T	3	2,72	01/03/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01)	Trúng tuyển	
9	Bùi Thị Phương Dung	09/06/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Thuận	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	4N6T	3	2,72	01/12/2023	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện (SL: 01)	Trúng tuyển	
10	Trần Thị Miên	22/02/1980	Nữ	Giáo viên	Trường MN Minh Thuận	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	6N	8	4,27	01/12/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Giáo viên giỏi cấp trường	Trúng tuyển	
3	Trường MN Tân Khánh																			

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú			
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ								
A	Thăng hạng từ hạng II lên Hạng I: 0																						
B	Thăng hạng từ hạng III lên Hạng II																						
I	Viên chức quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 01; Số hồ sơ dự xét 01; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																						
1	Ngô Thị Linh	14/07/1981	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	7	3,96	01/9/2024	Đại học SP Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT tin học cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01)	Trúng tuyển				
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 10; Số hồ sơ dự xét 14; Số hồ sơ Đạt 13; Trúng tuyển: 10																						
1	Đặng Thị Hoa	26/05/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	7	3,96	01/3/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT tin học cơ bản	TOEFL ITP	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 03) (Nhóm UT2: NS 1979)	Trúng tuyển				
2	Bùi Thị Hằng	01/03/1983	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	8	4.27	01/12/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT tin học cơ bản	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 03) (Nhóm UT2: NS 1983)	Trúng tuyển				
3	Vũ Thị Hòa	20/10/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	7	3,96	01/09/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT tin học cơ bản	B	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02) (Nhóm UT2: NS 1980)	Trúng tuyển				

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
4	Trần Thị Lan	05/09/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	7	3,96	01/01/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT tin học cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02) (Nhóm UT2: NS 1982)	Trúng tuyển	
5	Ngô Thanh Dung	10/07/1990	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	13N2T	5	3,34	01/10/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT tin học cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02) (Nhóm UT2: NS 1990)	Trúng tuyển	
6	Phạm Thị Nga	26/12/1978	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	8	4,27	01/07/2024	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT tin học cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT2: NS 1978)	Trúng tuyển	
7	Phạm Thị Chính	05/03/1985	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	12N8T	5	3,34	01/10/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT tin học cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT2: NS T3/1985)	Trúng tuyển	
8	Phạm Thị Hà	02/09/1985	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	6	3,65	01/01/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT tin học cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT2: NS T9/1985)	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
9	Lại Đình Phương	23/01/1998	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3N8T	2	2,41	01/10/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT tin học cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXS NV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT2: NS 1998)	Trúng tuyển	
10	Ngô Thị Hạnh	10/05/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	7	3,96	01/07/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT tin học cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT (SL: 01) (Nhóm UT2: NS 1980)	Trúng tuyển	
11	Triệu Thị Hoi	02/12/1983	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	7	3,96	01/07/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT (SL: 01) (Nhóm UT2: NS 1983)	Không Trúng tuyển	
12	Đặng Thị Luyện	05/10/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	6	3,65	01/09/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện (SL: 01) (Nhóm UT2: NS 1980)	Không Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
13	Vũ Thị Thúy Quỳnh	24/11/1987	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	12N8T	5	3,34	01/10/2025	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện (SL: 01) (Nhóm U'T2: NS 1987)	Không Trúng tuyển	
14	Vũ Thị Phương	26/03/1984	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Khánh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	14N6T	7	3,96	01/07/2026	Đại học, Giáo dục Mầm non	Giáo viên mầm non hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	
4	Trường Tiểu học Cộng Hòa																			
A	Thăng hạng từ hạng II lên Hạng I																			
I	Viên chức quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 01; Số hồ sơ dự xét 01; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																			
1	Lê Thị Nga	11/08/1975	Nữ	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Cộng Hòa	Giáo viên Tiểu học Hạng II	V.07.03.28	30N2T	5	5,36	01/09/2025	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Tin học Văn phòng	A2	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (SL: 01)	Trúng tuyển	
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 02; Số hồ sơ dự xét 02; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																			

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
1	Triệu Thị Ngọc Hà	08/02/1991	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cộng Hòa	Giáo viên Tiểu học Hạng II	V.07.03.28	10N2T	1	4,0	14/04/2026	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Tin học Văn phòng	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (SL: 01)	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Thị Bích Thúy	25/04/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cộng Hòa	Giáo viên Tiểu học Hạng II	V.07.03.28	6N	4	5,02	01/09/2024	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Tin học Văn phòng	A2	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	
B	Thăng hạng từ hạng III lên Hạng II																			
I	Viên chức quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 01; Số hồ sơ dự xét 01; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																			
1	Lê Minh Thảo	15/01/1976	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Cộng Hòa	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	28N3T	9	4,98	08/01/2025	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Tin học Văn phòng	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 03)	Trúng tuyển	
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 05; Số hồ sơ dự xét 06; Số hồ sơ Đạt 05; Trúng tuyển: 05																			
1	Nguyễn Thị Huyền Trang	14/02/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cộng Hòa	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	29N3T	9	4,98	01/06/2024	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Tin học Văn phòng	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh (SL: 01)	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú	
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ						
2	Trần Thị Nguyệt	20/05/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cộng Hòa	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	31N2T	9	4.98	01/04/2026	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Tin học Văn phòng	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 08)	Trúng tuyển	VK 6%	
3	Nguyễn Thị Sâm	18/01/1972	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cộng Hòa	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	31N2T	9	4.98	01/07/2025	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Tin học Văn phòng	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02) (Nhóm UT 2 SN 1972)	Trúng tuyển	VK 5%	
4	Trần Thị Trang	01/03/1992	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cộng Hòa	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	10N7T	4	3.33	01/04/2024	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02) (Nhóm UT 2 SN 1992)	Trúng tuyển		
5	Nguyễn Thị Xuân	18/06/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cộng Hòa	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	29N3T	9	4.98	01/03/2025	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Tin học Văn phòng	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01)	Trúng tuyển		
6	Trịnh Thị Liên Hương	01/02/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cộng Hòa	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	17N3T	6	3,99	01/04/2024	Đại học, SP Âm nhạc	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển		
5	Trường Tiểu học Minh Tân																				
A	Thăng hạng từ hạng II lên Hạng I: 0																				

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
B	Thăng hạng từ hạng III lên Hạng II																			
I	Viên chức quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 01; Số hồ sơ dự xét 01; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																			
1	Nguyễn Thị Thu Hà	08/01/1973	Nữ	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Minh Tân	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	18N7T	9	4,98	01/12/2026	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	ỨD CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Trúng tuyển	VK 7%
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 05; Số hồ sơ dự xét 09; Số hồ sơ Đạt 06; Trúng tuyển: 05																			
1	Phạm Thị Hường	20/02/1973	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Tân	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	18N6T	9	4,98	01/01/2026	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTSXNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Trúng tuyển	VK 6%
2	Nguyễn Thu Trà	25/09/1970	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Tân	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	18N6T	9	4,98	01/11/2023	Đại học, SP Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản		2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 04)	Trúng tuyển	BL 0,2
3	Nguyễn Thị Ngọc Anh	14/03/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Tân	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	11N5T	7	4.32	01/04/2026	Đại học, SP Âm nhạc	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXS NV 2025-2026: HTSXNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02)	Trúng tuyển	
4	Trần Thị Hồng Phương	16/01/1971	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Tân	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	18N6T	9	4.98	01/11/2023	Đại học, SP Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTSXNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT 2, là Nữ, SN 1971)	Trúng tuyển	BL 0,25

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
5	Nguyễn Minh Đăng	03/11/1981	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Tân	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	12N10T	7	4.32	01/10/2025	Đại học, SP Mỹ Thuật	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT 2 SN 1981)	Trúng tuyển	
6	Trần Thị Cúc	03/02/1986	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Tân	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	16N10T	6	3.99	01/06/2025	Đại học, SP Tin học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTSXNV 2025-2026: HTTNV	x	Giấy khen của Giám đốc Sở GD-ĐT	Không Trúng tuyển	
7	Nguyễn Thị Khuê Văn	11/01/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Tân	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	18N6T	6	3,99	01/07/2025	Đại học, SP Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	
8	Hà Thị Nương	10/01/1987	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Tân	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	13N8T	6	3,99	01/03/2024	Đại học, SP Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
9	Phạm Lê Hoa	22/08/1988	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Tân	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	12N10T	5	3,66	01/11/2025	Đại học, SP Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản		2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTSXNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	
6	Trường Tiểu học Minh Thuận																			
A	Thăng hạng từ hạng II lên Hạng I																			
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 02; Số hồ sơ dự xét 01; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																			
1	Vũ Thị Hồng Tho	21/03/1990	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng II	V.07.03.28	12N9T	2	4,34	01/12/2025	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Tin học Văn phòng	A2	2021-2022: HTXS NV 2022-2023: HTTNV 2023-2024: HTXS NV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Trúng tuyển	
B	Thăng hạng từ hạng III lên Hạng II																			
I	Viên chức quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 01; Số hồ sơ dự xét 01; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																			
1	Dương Thị Thanh	03/6/1975	Nữ	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	30N3T	9	4,98	01/9/2023	Đại học, Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trúng tuyển	
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 06; Số hồ sơ dự xét 10; Số hồ sơ Đạt 06; Trúng tuyển: 06																			

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
1	Nguyễn Thị Nga	16/12/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	28N3T	9	4,98	01/09/2025	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTSXNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 05)	Trúng tuyển	
2	Trần Thị Thu Hà	17/03/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	30N3T	9	4,98	01/09/2023	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 03)	Trúng tuyển	
3	Vũ Thị Quy	25/03/1988	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	16N4T	6	3,99	01/03/2025	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02)	Trúng tuyển	
4	Trần Thị Hằng	03/05/1993	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	10N8T	4	3,33	01/04/2024	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT 2 SN: 03/05/1993)	Trúng tuyển	
5	Đào Thị Hiền	10/05/1993	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	10N8T	4	3,33	01/04/2024	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTSXNV 2025-2026: HTSXNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT 2 SN: 10/05/1993)	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
6	Trần Thị Hà Phương	21/07/1995	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	9N2T	3	3	01/5/2026	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT 2 SN 1995)	Trúng tuyển	
7	Nguyễn Thị Thanh Xuân	03/06/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	19N10T	6	3,99	01/06/2025	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTXS 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	
8	Trần Quang Tỉnh	06/05/1979	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.39	19N10	6	3,99	01/09/2025	Đại học, SP Tin học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	ĐHSP Tin học	B1	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	
9	Nguyễn Xuân Phong	27/03/1977	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	23N10T	7	4,32	01/07/2025	Đại học, SP Mỹ Thuật	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
10	Đỗ Duy Thanh	10/02/1986	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Minh Thuận	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	16N4T	6	3,99	01/09/2025	Đại học, SP GDTC	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	
7	Trường Tiểu học Tân Khánh																			
A	Thăng hạng từ hạng II lên Hạng I: 0																			
B	Thăng hạng từ hạng III lên Hạng II																			
I	Viên chức quản lý: 0																			
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 03; Số hồ sơ dự xét 11; Số hồ sơ Đạt 06; Trúng tuyển: 03																			
1	Lê Thị Như Khánh	10/10/1995	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Khánh	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	9N03T	2	2.67	01/10/2023	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (SL: 01)	Trúng tuyển	
2	Lê Thị Kim Oanh	08/07/1973	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Khánh	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	31N10T	9	4.98	01/01/2026	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	B	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTXSNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02) (Nhóm UT 2 SN 1973)	Trúng tuyển	VK 6%
3	Trần Thị Hiền	28/06/1995	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Khánh	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	9N03T	2	2.67	20/4/2024	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng III	B	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 02) (Nhóm UT 2 SN 1995)	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
4	Lê Thị Xoa	12/11/1978	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Khánh	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	17N10T	6	3,99	01/06/2025	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT 2 SN 1978)	Không Trúng tuyển	
5	Nguyễn Thị Huê	06/11/1987	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Khánh	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	16N11T	6	3,99	01/03/2026	Đại học, SP Âm nhạc	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT 2: Sinh năm 1987)	Không Trúng tuyển	
6	Phạm Thị Nhân	18/07/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Khánh	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	14N11T	5	3,66	01/09/2023	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Chiến sĩ thi đua cơ sở (SL: 01) (Nhóm UT 2: Sinh năm 1989)	Không Trúng tuyển	
7	Đỗ Anh Tú	22/09/1981	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Khánh	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	20N10T	6	3,99	01/06/2024	Đại học, SP Mỹ Thuật	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
8	Mai Huyền Trang	16/09/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Khánh	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	15N10T	6	3,99	01/04/2026	Đại học, SP Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2	2023- 2024: HTTNV 2024- 2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	
9	Ngô Thị Thu Hoài	08/03/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Khánh	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	19N11T	6	3,99	01/11/2024	Đại học, SP Tin học	Giáo viên Tiểu học Hạng II	Đại học	A2	2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	
10	Đỗ Văn Chuyên	23/07/1974	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Khánh	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	26N04T	8	4,65	01/07/2025	Đại học, GD Tiểu học	Giáo viên Tiểu học Hạng III			2023-2024: HTTNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
11	Phạm Thị Thanh Mai	02/11/1994	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Khánh	Giáo viên Tiểu học Hạng III	V.07.03.29	9N3T	3	2,67	01/04/2024	Đại học, GD Thể chất	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x		Không Trúng tuyển	
8	THCS Minh Tân																			
A	Thăng hạng từ hạng II lên Hạng I																			
I	Viên chức quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 01; Số hồ sơ dự xét 01; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																			
1	Dương Thị Là	20/09/1978	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Minh Tân	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	18N6T	5	5,36	01/09/2024	Đại học sư phạm Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	B	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTTNV 2025-2026: HTTNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Trúng tuyển	
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 01; Số hồ sơ dự xét 01; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																			

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
1	Vũ Thị Kim Thoa	18/11/1980	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Minh Tân	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	13N6T	3	4,68	01/09/2025	Đại học, sư phạm Hoá	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTTNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Trúng tuyển	
9	THCS Tân Khánh																			
A	Thăng hạng từ hạng II lên Hạng I																			
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 01; Số hồ sơ dự xét 01; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																			
1	Lê Thị Hương	26/02/1979	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Tân Khánh	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.31	23N02T	4	5,02	01/07/2025	Đại học, ngành Sư phạm Địa lí	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản		2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTXSNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Trúng tuyển	
10	THCS Minh Thuận																			
A	Thăng hạng từ hạng II lên Hạng I																			
II	Viên chức không là quản lý: Chỉ tiêu UBND Tỉnh giao 01; Số hồ sơ dự xét 01; Số hồ sơ Đạt 01; Trúng tuyển: 01																			

TT	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yyyy)	Nam/Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức danh nghề nghiệp			Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng CDNN thăng hạng				Xếp loại chất lượng các năm học	Không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật	Thành tích cao nhất dự xét	Kết quả	Ghi chú
						Tên CDNN viên chức	Mã số CDNN hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	CCBD theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
1	Bùi Thị Huệ	14/12/1987	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Minh Thuận	Giáo viên THCS hạng II	V07.04.31	13N09T	3	4,68	01/07/2026	Đại học, ngành Sư phạm Sinh học	Giáo viên THCS hạng II	A	B	2021-2022: HTXSNV 2022-2023: HTXSNV 2023-2024: HTXSNV 2024-2025: HTXSNV 2025-2026: HTTNV	x	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Trúng tuyển	